

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

Năm 2024
CTMT, DA: << Không chọn >>

Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TỔNG SỐ	LOẠI 070	
				TỔNG SỐ	KHOẢN 073
A	B	C	1	2	3
A	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC				
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC				
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+05)	01	50.517.155	50.517.155	50.517.155
1.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (02=03+04)	02	182.155	182.155	182.155
	- Kinh phí đã nhận	03			
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	04	182.155	182.155	182.155
1.2	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (05=06+07)	05	50.335.000	50.335.000	50.335.000
	- Kinh phí đã nhận	06			
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	07	50.335.000	50.335.000	50.335.000
2	Dự toán được giao trong năm (08=09+10)	08	24.773.264.000	24.773.264.000	24.773.264.000
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	09	17.418.050.000	17.418.050.000	17.418.050.000
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	10	7.355.214.000	7.355.214.000	7.355.214.000
3	Tổng số được sử dụng trong năm (11=12+13)	11	24.823.781.155	24.823.781.155	24.823.781.155
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (12=02+09)	12	17.418.232.155	17.418.232.155	17.418.232.155
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (13=05+10)	13	7.405.549.000	7.405.549.000	7.405.549.000
4	Kinh phí thực nhận trong năm (14=15+16)	14	21.532.060.555	21.532.060.555	21.532.060.555
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	15	17.413.470.155	17.413.470.155	17.413.470.155
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	16	4.118.590.400	4.118.590.400	4.118.590.400
5	Kinh phí đề nghị quyết toán (17=18+19)	17	21.532.060.555	21.532.060.555	21.532.060.555
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	18	17.413.470.155	17.413.470.155	17.413.470.155

Mã chương: 622

Đơn vị báo cáo: Trường PTDTBT Tiểu học- THCS Vàng Đán

Mã ĐVQHNS: 1093730

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TỔNG SỐ	LOẠI 070	
				TỔNG SỐ	KHOẢN 073
A	B	C	1	2	3
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	19	4.118.590.400	4.118.590.400	4.118.590.400
6	Kinh phí giảm trong năm (20=21+25)	20			
6.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (21= 22+23+24)	21			
	- Đã nộp NSNN	22			
	- Còn phải nộp NSNN (23=03+15-18-22-31)	23			
	- Dự toán bị hủy (24=04+09-15-32)	24			
6.2	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (25=26+27+28)	25			
	- Đã nộp NSNN	26			
	- Còn phải nộp NSNN (27=06+16-19-26-34)	27			
	- Dự toán bị hủy (28=07+10-16-35)	28			
7	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (29=30+33)	29	3.291.720.600	3.291.720.600	3.291.720.600
7.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (30=31+32)	30	4.762.000	4.762.000	4.762.000
	- Kinh phí đã nhận	31			
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	32	4.762.000	4.762.000	4.762.000
7.2	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (33=34+35)	33	3.286.958.600	3.286.958.600	3.286.958.600
	- Kinh phí đã nhận	34			
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	35	3.286.958.600	3.286.958.600	3.286.958.600
II	NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ				
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	36			
2	Dự toán được giao trong năm	37			
3	Tổng kinh phí đã nhận viện trợ trong năm (38=39+40)	38			
	- Số đã ghi thu, ghi tạm ứng	39			
	- Số đã ghi thu, ghi chi	40			
4	Kinh phí được sử dụng trong năm (41= 36+38)	41			

Mã chương: 622

Đơn vị báo cáo: Trường PTDTBT Tiểu học- THCS Vàng Đán

Mã ĐVQHNS: 1093730

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TỔNG SỐ	LOẠI 070	
				TỔNG SỐ	KHOẢN 073
A	B	C	1	2	3
5	Kinh phí đề nghị quyết toán	42			
6	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (43=41-42)	43			
III	NGUỒN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI				
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (44=45+46)	44			
	- Kinh phí đã ghi tạm ứng	45			
	- Số dư dự toán	46			
2	Dự toán được giao trong năm	47			
3	Tổng số được sử dụng trong năm (48= 44+47)	48			
4	Tổng kinh phí đã vay trong năm (49= 50+51)	49			
	- Số đã ghi vay, ghi tạm ứng NSNN	50			
	- Số đã ghi vay, ghi chi NSNN	51			
5	Kinh phí đơn vị đã sử dụng đề nghị quyết toán	52			
6	Kinh phí giảm trong năm (53=54+55+56)	53			
	- Đã nộp NSNN	54			
	- Còn phải nộp NSNN (55= 45+49-52-54-58)	55			
	- Dự toán bị hủy (56= 46+47-49-59)	56			
7	Kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (57= 58+59)	57			
	- Kinh phí đã ghi tạm ứng	58			
	- Số dư dự toán	59			
8	Số đã giải ngân, rút vốn chưa hạch toán NSNN	60			
B	NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ ĐỂ LẠI				
1	Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang (61=62+63)	61			
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	62			
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	63			

Mã chương: 622

Đơn vị báo cáo: Trường PTDTBT Tiểu học- THCS Vàng Đán

Mã ĐVQHNS: 1093730

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TỔNG SỐ	LOẠI 070	
				TỔNG SỐ	KHOẢN 073
A	B	C	1	2	3
2	Dự toán được giao trong năm (64=65+66)	64			
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	65			
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	66			
3	Số thu được trong năm (67=68+69)	67			
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	68			
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	69			
4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm (70=71+72)	70			
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (71=62+68)	71			
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (72=63+69)	72			
5	Số kinh phí đã sử dụng để nghị quyết toán (73=74+75)	73			
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	74			
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	75			
6	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (76=77+78)	76			
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (77=71-74)	77			
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (78=72-75)	78			
C	NGUỒN HOẠT ĐỘNG KHÁC ĐƯỢC ĐỂ LẠI				
1	Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang (79=80+81)	79			
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	80			
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	81			
2	Dự toán được giao trong năm (82=83+84)	82			
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	83			
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	84			
3	Số thu được trong năm (85=86+87)	85			
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	86			

Mã chương: 622
 Đơn vị báo cáo: Trường PTDTBT Tiểu học- THCS Vàng Đán
 Mã ĐVQHNS: 1093730

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TỔNG SỐ	LOẠI 070	
				TỔNG SỐ	KHOẢN 073
A	B	C	1	2	3
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	87			
4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm (88=89+90)	88			
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (89=80+86)	89			
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (90=81+87)	90			
5	Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán (91=92+93)	91			
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	92			
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	93			
6	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (94=95+96)	94			
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (95=89-92)	95			
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (96=90-93)	96			

NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký, họ và tên)

Cà Văn Thuật

KẾ TOÁN TRƯỞNG
 (Ký, họ và tên)

Cà Văn Thuật

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2024

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Tiến Thành